

422

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 32 /GPMT-STNMT-CCBVMT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 121/2003/QĐ-UB ngày 31 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về chuyển đổi mô hình tổ chức Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 736/QĐ-STNMT-VP ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về phân công công tác trong Ban Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Theo ý kiến của Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường cơ sở "Siêu thị Sài Gòn" tại địa chỉ số 460 đường Ba Tháng Hai, Phường 12, Quận 10 của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên, kiểm tra ngày 28 tháng 7 năm 2023;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 2424/TCT-DA ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường đối với cơ sở "Siêu thị Sài Gòn" tại địa chỉ số 460 đường Ba Tháng Hai, Phường 12, Quận 10;

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ Môi trường tại Phiếu trình số 54 /TTr-CCBVMT-TPMT ngày 09 tháng 01 năm 2024.




Thư

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên, địa chỉ văn phòng số 275B đường Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Siêu thị Sài Gòn” tại địa chỉ số 460 đường Ba Tháng Hai, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

- 1.1. Tên dự án đầu tư: Siêu thị Sài Gòn.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: số 460 đường Ba Tháng Hai, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số 0300100037 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 11 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 11 tháng 01 năm 2022.
- 1.4. Mã số thuế: 0300100037.
- 1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: thương mại, dịch vụ (siêu thị).
- 1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:
 - Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
 - Tổng diện tích khu đất thực hiện cơ sở: 7.471,2 m² (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT62823 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05 tháng 05 năm 2017, thời hạn sử dụng đến ngày 27 tháng 7 năm 2060).
 - Quy mô: Cơ sở có tiêu chí phân loại dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

Cơ sở gồm khối nhà chính siêu thị (tầng trệt, tầng lửng), khối văn phòng, nhà kho, khối nhà phụ trợ, cho thuê mặt bằng hoạt động cửa hàng ẩm thực, cà phê (Subin BBQ, McDonald's, Highlands), dịch vụ tiêm chủng (trung tâm VNVC) và các công trình phụ trợ khác.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên có trách nhiệm:
 - 2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.
 - 2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải đảm bảo chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.
 - 2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
 - 2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.
 - 2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.
 - 2.6. Công ty có trách nhiệm tuân thủ quy định pháp luật đầu tư, môi trường, quy hoạch, xây dựng, đất đai,... và pháp luật liên quan trong quá trình hoạt động.

Điều 3: Thời hạn của Giấy phép môi trường: 10 năm kể từ ngày Giấy phép môi trường được ký ban hành.

Điều 4: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân Quận 10 tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tổng Công ty TM Sài Gòn - TNHH MTV;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- Ủy ban nhân dân Thành phố (để báo cáo);
- UBND Quận 10;
- UBND Phường 12, Quận 10;
- Lưu: VT, CCBVMT.QN07.

ĐPB

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Thanh Mỹ



PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số32...../GPMT-STNMT-CCBVMT
ngày ..12.. tháng ..01.. năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (bao gồm nước thải từ bồn rửa tay, nhà vệ sinh...) phát sinh từ sinh hoạt của nhân viên trong siêu thị, khách vãng lai và đơn vị thuê mặt bằng.
- Nguồn số 02: Nước thải từ khu vực rửa thực phẩm tươi sống và từ khu vực nhà bếp các cửa hàng thức ăn nhanh.
- Nguồn số 03: Nước thải từ vệ sinh thùng rác.

Thành phần chất ô nhiễm trong nước thải gồm BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan (TDS), Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), Phosphat (tính theo P), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng Coliform.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của Thành phố trên đường Ba Tháng Hai, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí đầu nối xả thải: số 460 đường Ba Tháng Hai, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Toạ độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45', múi chiều 3⁰): X (m) = 1.190.980; Y (m) = 600.221.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 110 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: bơm theo phao đến hố ga nước thải tập trung sau xử lý, sau đó xả ngầm vào hệ thống thoát nước chung của Thành phố.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục (24/24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B (K=1), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Chủ dự án tự đề xuất thực hiện quan trắc định kỳ với tần suất 06 tháng/lần đối với 01 vị trí tại hố ga nước thải sau xử lý trước khi dẫn ra hệ thống thoát nước chung trên đường Ba Tháng Hai	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1.000		
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	mg/l	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước thải sinh hoạt bao gồm từ các bồn xí, bồn tiểu của các khu vệ sinh, nước thải thoát sàn, nước thải từ bồn rửa tay được thu gom theo đường ống dẫn PVC đường kính 50 mm và đường kính 200 mm với chiều dài 500 m, dẫn về bể tự hoại ba ngăn thể tích 16 m³ để xử lý sơ bộ, sau đó tập trung về bể trung chuyển trước khi dẫn vào bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý trước khi thải ra môi trường.

- Nước thải từ khu nhà bếp của những cửa hàng thức ăn nhanh như (McDonald's, Subin BBQ), nước thải từ cửa hàng Highlands Coffee, khu rửa thực phẩm tươi sống (chỉ rửa lại 1 lần sau khi nhận được hàng từ nhà cung ứng, không có hoạt động sơ chế) sẽ được dẫn về bể tách dầu mỡ để tách mỡ, sau đó tập trung tại bể trung chuyển trước khi theo đường ống dẫn PVC đường kính 150 mm, chiều dài 200 m dẫn về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập

trung để xử lý trước khi thải ra môi trường.

- Nước thải từ khu vực vệ sinh thùng rác sẽ theo đường ống dẫn PVC đường kính 150 mm, chiều dài 200 m dẫn về bể điều hòa của trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý trước khi thải ra môi trường.

- Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sẽ được bơm theo đường ống uPVC đường kính 50 mm, chiều dài 72 m ra hố ga tập trung nước thải của cơ sở trước khi theo đường ống uPVC đường kính 50 mm, chiều dài 8,9 m đầu nối ra hệ thống thoát nước chung của Thành phố.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải (nước thải từ nhà vệ sinh, chậu rửa, thoát sàn → bể tự hoại + nước thải từ nhà bếp các cửa hàng, khu thực phẩm tươi sống → bể tách mỡ + nước thải sinh hoạt từ trung tâm VNVC → bể trung gian) → bể trung chuyển → bể điều hòa → bể Anoxic → bể MBBR → bể lắng → bể khử trùng → nguồn tiếp nhận (Hệ thống thoát nước chung của Thành phố trên đường Ba Tháng Hai).

- Công suất thiết kế: 110 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine, PAC, NaOH, dinh dưỡng (mật rỉ đường).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật, quy trình, công suất; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Lập sổ theo dõi lưu lượng, chất lượng nước thải và hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

- Kiểm tra quá trình thu gom nước thải của tuyến ống dẫn nhằm kịp thời khắc phục thay thế kịp thời các vị trí bị rò rỉ nước thải, thường xuyên kiểm tra, bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn.

- Khi phát hiện hiện sự cố, ngưng hoạt động, hồi lưu toàn bộ nước thải không đạt tiêu chuẩn về bể điều hòa để tiến hành xử lý lại và nhanh chóng rà soát, xử lý sự cố.

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, được đào tạo tập huấn đầy đủ các nội dung vận hành hệ thống, ứng phó sự cố; thực hiện đúng quy trình vận hành đã được ban hành.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Thieu

Thieu

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm (theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP):

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: sau khi được cấp giấy phép môi trường.
- Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm: 45 ngày kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm (Chủ cơ sở thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của cơ sở cho cơ quan cấp giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung của siêu thị công suất 110 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải (tại bể điều hòa).
- Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải (tại hố ga tập trung nước thải sau xử lý trước khi đầu nối vào cống thoát nước chung của thành phố trên đường Ba Tháng Hai).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Thông số: pH, BOD₅, TSS, tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (tính theo P), tổng Coliforms.

- Quy chuẩn áp dụng: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B (K=1,0).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải; cụ thể:

TT	Vị trí lấy mẫu	Thời gian lấy mẫu	Loại mẫu	Thông số quan trắc	Quy chuẩn so sánh
1	Nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải (tại bể điều hòa)	01 lần/ngày trong 03 ngày liên tiếp (03 mẫu)	Mẫu đơn	pH, BOD ₅ , TSS, tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H ₂ S), Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N),	QCVN 14:2008/BTNMT; cột B (K=1,0)

TT	Vị trí lấy mẫu	Thời gian lấy mẫu	Loại mẫu	Thông số quan trắc	Quy chuẩn so sánh
2	Tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải (tại hố ga tập trung nước thải sau xử lý trước khi đầu nối vào cống thoát nước chung của thành phố trên đường Ba Tháng Hai)	01 lần/ngày trong 03 ngày liên tiếp (03 mẫu)	Mẫu đơn	dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (tính theo P), tổng Coliforms	

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Có Sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở; đầu nối đúng quy định vào vào nguồn tiếp nhận nước thải (hệ thống thoát nước chung của Thành phố trên đường Ba Tháng Hai); xây dựng hố ga đầu nối nước thải sau xử lý thuận tiện cho công tác kiểm tra, giám sát.

3.4. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom, xử lý nước thải trước khi xả thải ra môi trường.

3.5. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.



PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số32.../GPMT-STNMT-CCBVMT
ngày ..12.. tháng ..01.. năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

1.1. Các nguồn phát sinh bụi, khí thải có hệ thống xử lý khí thải: Không có.

1.2. Các nguồn phát sinh bụi, khí thải không có hệ thống xử lý khí thải:

- Nguồn số 1: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng công suất 750 kVA.
- Nguồn số 2: Khí thải phát sinh từ khu vực bếp 1 của khu ẩm thực Subin BBQ.
- Nguồn số 3: Khí thải phát sinh từ khu vực bếp 2 của khu ẩm thực Subin BBQ.
- Nguồn số 4: Khí thải phát sinh từ khu vực bàn nướng 1 của khu ẩm thực Subin BBQ.
- Nguồn số 5: Khí thải phát sinh từ khu vực bàn nướng 2 của khu ẩm thực Subin BBQ.
- Nguồn số 6: Khí thải phát sinh từ khu vực bếp của cửa hàng thức ăn nhanh McDonald's.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: số 460 đường Ba Tháng Hai, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với 01 ống thoát khí thải từ máy phát điện công suất 750 kVA, tọa độ vị trí xả thải: X = 1.191.025; Y = 600.198.
- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với 01 thoát khí thải khu vực bếp 1 của khu ẩm thực Subin BBQ, tọa độ vị trí xả thải: X = 1.191.022; Y = 600.190.
- Dòng khí thải số 03: Tương ứng với 01 thoát khí thải khu vực bếp 2 của khu ẩm thực Subin BBQ, tọa độ vị trí xả thải: X = 1.191.023; Y = 600.191.
- Dòng khí thải số 04: Tương ứng với 01 thoát khí thải khu vực bàn nướng 1 của khu ẩm thực Subin BBQ, tọa độ vị trí xả thải: X = 1.191.024; Y = 600.192.
- Dòng khí thải số 05: Tương ứng với 01 thoát khí thải khu vực bàn nướng 2 của khu ẩm thực Subin BBQ, tọa độ vị trí xả thải: X = 1.191.025; Y = 600.193.

me

Thư

- Dòng khí thải số 06: Tương ứng với ống thoát khí từ khu vực bếp của cửa hàng thức ăn nhanh McDonald's. Tọa độ vị trí xả thải: X=1.191.020; Y= 600.189. (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $105^{\circ}45'$, vĩ chiều 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: khoảng $23.033 \text{ m}^3/\text{giờ}$, bao gồm:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng khí thải lớn nhất $2.805 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng khí thải lớn nhất $1.700 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng khí thải lớn nhất $1.700 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng khí thải lớn nhất $6.500 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng khí thải số 05: Lưu lượng khí thải lớn nhất $5.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng khí thải số 06: Lưu lượng khí thải lớn nhất $5.328 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Bụi, khí thải xả ra môi trường qua ống thoát khí thải theo phương thức quạt hút cưỡng bức, xả gián đoạn (chỉ xả khi sử dụng máy phát điện).

- Dòng khí thải số 02, 03, 04, 05: Khí thải xả ra môi trường qua ống thoát khí thải theo phương thức quạt hút cưỡng bức, xả gián đoạn (chỉ xả khi cửa hàng hoạt động).

- Dòng khí thải số 06: Khí thải xả ra môi trường qua ống thoát khí thải theo phương thức quạt hút cưỡng bức, xả gián đoạn (chỉ xả khi cửa hàng hoạt động).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường như sau:

- Bụi và khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (dòng thải số 01) chỉ xả gián đoạn trong trường hợp có sự cố mất điện, không yêu cầu có hệ thống xử lý khí thải nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng cho các thiết bị này phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Chất lượng khí thải (dòng thải số 02, 03, 04, 05, 06) trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, $K_p = 0,9$, $K_v = 0,6$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Bụi	mg/Nm^3	108	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải định kỳ	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động,
2	Cacbon oxit (CO)	mg/Nm^3	540		

3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	459	theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
4	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	mg/Nm ³	270		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng công suất 750 kVA được thoát ra môi trường thông qua ống khói bằng thép cao 3 m tính từ nguồn thải.

- Nguồn số 02: Khí thải từ ống khói khu vực bếp 1 của khu ẩm thực Subin BBQ được thoát ra môi trường thông qua ống khói bằng inox 304 kích thước 500x400 mm, cao 1 m so với mái.

- Nguồn số 03: Khí thải từ ống khói khu vực bếp 2 của khu ẩm thực Subin BBQ được thoát ra môi trường thông qua ống khói bằng inox 304 kích thước 250x250 mm, cao 1 m so với mái.

- Nguồn số 04: Khí thải từ ống khói khu vực bàn nướng 1 của khu ẩm thực Subin BBQ được thoát ra môi trường thông qua ống khói bằng inox 304 kích thước 250x250 mm, cao 1 m so với mái.

- Nguồn số 05: Khí thải từ ống khói khu vực bàn nướng 2 của khu ẩm thực Subin BBQ được thoát ra môi trường thông qua ống khói bằng inox 304 kích thước 250x250 mm, cao 1 m so với mái.

- Nguồn số 06: Khí thải từ ống khói khu vực bếp của cửa hàng thức ăn nhanh McDonald's được thoát ra môi trường thông qua ống khói bằng inox 304 kích thước 350x650 mm, cao 1 m so với mái.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải: không có.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A




Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Đảm bảo bụi, khí thải phát sinh tại cơ sở phải được thu gom, xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, $K_p = 0,9$, $K_v = 0,6$).

3.4. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Huà

Thần



PHỤ LỤC 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số32../GPMT-STNMT-CCBVMT
ngày ..12.. tháng ..11.. năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy phát điện.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị (máy thổi khí, máy bơm) của hệ thống xử lý nước thải, công suất 110 m³/ngày.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hệ thống điều hòa trung tâm.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X=1.191.025, Y=600.198.
- Nguồn số 02: Tọa độ X=1.191.015, Y=600.186.
- Nguồn số 03: Tọa độ X=1.191.010, Y=600.183.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiều 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ		
1	70	60	Không	Khu vực thông thường

TH

TH

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Máy phát điện dự phòng đặt trong vỏ cách âm chất liệu thép, sơn tĩnh điện; thường xuyên kiểm tra lượng dầu bôi trơn và dầu trong máy; không để máy hoạt động quá tải; bảo dưỡng máy theo định kỳ.
- Bảo trì, bảo dưỡng máy bơm theo định kỳ, thay những chi tiết hư hỏng hay thay thế kịp thời các máy bơm khi đã xuống cấp theo hướng dẫn của nhà sản xuất.
- Thiết bị máy móc của trạm xử lý nước thải được lắp đặt trong nhà điều hành (phòng kín), cách âm, lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su chống rung.
- Trong suốt quá trình hoạt động, tiếp tục duy trì các biện pháp giảm thiểu nêu trên và thường xuyên có kế hoạch giám sát định kì để hạn chế đến mức thấp nhất ô nhiễm do tiếng ồn gây ra.
- Trồng cây xanh xung quanh khu vực cơ sở để hạn chế tiếng ồn và điều hòa không khí trong khu vực cơ sở.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của cơ sở, đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của Dự án.



PHỤ LỤC 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số³²/GPMT-STNMT-CCBVMT
ngày ..12.. tháng ..01.. năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Thành phần chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	17 06 01	60
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (Bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác) giặt lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	12
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	24
4	Pin thải	16 01 12	6
5	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	20
6	Hộp chứa mực in thải	08 02 04	12
TỔNG KHỐI LƯỢNG			134

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	18 01 05	1.200
2	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 10	800

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 10.800 kg/năm.

Thư

all

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 06 thùng chứa có dung tích 30 lít/thùng, bên ngoài thùng được dán tên, mã chất thải nguy hại và ký hiệu cảnh báo theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.1.2. Phòng lưu chứa:

- Diện tích phòng: 8,75 m².
- Vị trí bố trí: gần hệ thống xử lý nước thải hiện hữu.
- Thiết kế, cấu tạo: phòng chứa chất thải nguy hại được bố trí có nền bê tông chống thấm, có gờ chống tràn để phòng trường hợp xảy ra sự cố tràn đổ chất thải ra ngoài, có mái che, có cửa khóa, có biển cảnh báo; có trang bị bình chữa cháy, vật liệu thấm hút để ứng phó khi có sự cố xảy ra, đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Bùn từ hệ thống xử lý nước thải

- Thiết bị lưu chứa: Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được lưu chứa trong bể chứa bùn có dung tích khoảng 9,7 m³.

- Thiết kế, cấu tạo: Tường, đáy và nắp bể bằng bê tông cốt thép chống thấm.

2.2.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường khác:

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị các kệ chứa bao bì tại khu vực tập trung chất thải của siêu thị.

- Phòng lưu chứa:

+ Diện tích phòng: 10 m².

+ Vị trí bố trí: gần khu vực bãi đậu xe của nhân viên, hệ thống xử lý nước thải hiện hữu.

+ Thiết kế, cấu tạo: phòng lưu chứa tập trung có nền bê tông chống thấm; mái che tôn, cửa khóa.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 20 thùng chứa có dung tích 50 lít tại khuôn viên cơ sở; trang bị 3 thùng chứa, dạng xe đẩy có dung tích 660 lít tại khu vực tập trung chất thải của cơ sở.

2.3.2. Phòng lưu chứa:





- Diện tích phòng: 10,25 m².
- Vị trí bố trí: gần hệ thống xử lý nước thải hiện hữu.
- Thiết kế, cấu tạo: phòng lưu chứa tập trung có nền bê tông chống thấm; mái che tôn, tường gạch có cửa khóa.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất, sự cố hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thoát khí thải và các sự cố môi trường khác theo quy định pháp luật.
- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.
- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.





PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số³²/GPMT-STNMT-CCBVM
ngày ...¹²... tháng ...¹¹... năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Đã hoàn thành các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 723/QĐ-TNMT-CCBVM ngày 19 tháng 7 năm 2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường. Cơ sở không còn hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường của Dự án.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn theo quy định.

4. Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; cập nhật, lưu giữ thông tin, số liệu về môi trường để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết./

[Signature]

[Signature]